

Số: 554/QĐ-UBND

Kinh Môn, ngày 24 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Quy hoạch Phân khu 1 – Phân khu đô thị hiện hữu, tỷ lệ 1/2000**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính Phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2015/NĐ-CP và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Hải Dương Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 1275/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương đến năm 2040;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 201 /TTr-QLĐT ngày 20/11/2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch Phân khu 1 - Phân khu đô thị hiện hữu, tỷ lệ 1/2000 với những nội dung chính như sau:

**I. HỒ SƠ**

1. Tên đồ án: Quy hoạch Phân khu 1 - Phân khu đô thị hiện hữu, tỷ lệ 1/2000.

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thị xã Kinh Môn.
3. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Trung tâm chuyên giao công nghệ quy hoạch xây dựng – Viện quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia lập.
4. Hồ sơ gồm: 13 bản vẽ quy hoạch; Thuyết minh tổng hợp quy hoạch; Quy định quản lý quy hoạch; các văn bản liên quan.

## II. NỘI DUNG QUY HOẠCH

### 1. Phạm vi, ranh giới, quy mô khu vực lập quy hoạch

#### 1.1. Phạm vi quy hoạch:

Khu vực lập Quy hoạch phân khu đô thị hiện hữu nằm ở phía Nam thị xã Kinh Môn, bao gồm 05 phường: An Lưu, Hiệp An, Thái Thịnh, Hiến Thành và Long Xuyên.

#### 1.2. Ranh giới khu vực quy hoạch được xác định như sau:

- Phía Đông Bắc giáp: sông Kinh Thầy;
- Phía Tây Bắc giáp: các phường An Phụ, Hiệp Sơn;
- Phía Đông Nam giáp: xã Minh Hòa;
- Phía Tây Nam giáp: sông Kinh Môn.

#### 1.3. Quy mô quy hoạch:

- Tổng diện tích lập quy hoạch 2.181,80 ha;
- Quy mô dân số đến năm 2040: khoảng 69.455 người.

### 2. Mục tiêu quy hoạch và tính chất quy hoạch

- Cụ thể hóa Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Kinh Môn đến năm 2040 đã được phê duyệt.

- Phát triển đô thị, nâng cao hiệu quả năng lực và khai thác tối đa hiệu quả sử dụng quỹ đất đai, tạo bộ mặt kiến trúc cảnh quan, góp phần hoàn thiện quy hoạch chung thị xã. Rà soát các quỹ đất dự kiến phát triển nhằm tạo nguồn lực để phát triển hạ tầng, chỉnh trang đô thị, phát triển sản xuất, công trình công cộng, thương mại, nhu cầu ở mới, tạo nguồn vốn đầu tư phát triển đáp ứng hạ tầng xã hội cho thị xã.

- Xác định khung kết cấu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phát triển bền vững trên cơ sở Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Kinh Môn, Tiêu chuẩn, Quy chuẩn xây dựng và kế thừa chọn lọc các quy hoạch chi tiết các khu chức năng được phê duyệt, các đồ án quy hoạch điều chỉnh và các dự án đầu tư đang triển khai theo chủ trương của UBND tỉnh và thị xã.

- Xác định giải pháp, kế hoạch phát triển đô thị hiện đại, cải tạo và nâng cấp các khu vực dân cư hiện có, cải thiện điều kiện sống cho người dân, bảo tồn tôn tạo các giá trị di sản truyền thống của khu vực. Tổ chức đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, tạo ra các trung tâm, các khu nhà ở gắn kết với các dịch vụ hạ tầng đô thị theo mô hình đa chức năng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

- Đồ án Quy hoạch phân khu được duyệt làm cơ sở pháp lý để triển khai tổ chức

lập quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, xây dựng quy định quản lý kiến trúc đô thị phục vụ kiểm soát phát triển, quản lý xây dựng đô thị và điều chỉnh quy hoạch các đã được cấp thẩm quyền phê duyệt để phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Kinh Môn đến năm 2040.

### **3. Tính chất, chức năng**

- Là trung tâm thương mại dịch vụ, y tế, TDTT, giáo dục của thị xã Kinh Môn; trung tâm công nghiệp và dịch vụ cảng xăng dầu của thị xã.

- Là khu vực cải tạo chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu và phát triển các khu dân cư mới.

### **4. Các chỉ tiêu cơ bản về quy hoạch**

#### **4.1. Quy mô dân số:**

- Diện tích tự nhiên khu vực quy hoạch khoảng 2.181,80 ha;
- Diện tích đất xây dựng khoảng: 1.426,31 ha;
- Dân số khoảng 69.455 người (trong đó dân số hiện trạng khoảng 39.591 người, dân số phát triển mới khoảng 29.864 người).

#### **4.2. Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:**

Áp dụng chỉ tiêu kinh - tế kỹ thuật chính của phân khu đã được phê duyệt trong Quy hoạch chung tương đương với chỉ tiêu đô thị loại III, tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD.

### **5. Quy hoạch sử dụng đất**

Quy mô đất đai khoảng : 2.181,80 ha trong đó, đất xây dựng đô thị khoảng khoảng 1.426,31 ha; khu nông nghiệp và chức năng khác khoảng 755,49 ha.

Chỉ tiêu đất đơn vị ở mới 46 m<sup>2</sup>/người; đất công trình phục vụ công cộng đơn vị ở 2,86 m<sup>2</sup>/người; đất cây xanh đô thị 15,17 m<sup>2</sup>/người; Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị tính đến đường phân khu vực đạt 18,2 %.

#### **5.1. Phương án quy hoạch: Phân khu 1 được chia thành 03 phân khu vực.**

- Các phân khu vực bao gồm: phân khu vực A khoảng 698,09 ha ; phân khu vực B khoảng 448,58 ha ; phân khu vực C khoảng 1.035,13 ha.

- Các yêu cầu quy hoạch: Vị trí, ranh giới, chức năng và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc các ô đất quy hoạch sẽ được tiếp tục nghiên cứu, cụ thể hóa trong quá trình lập quy hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư xây dựng (đảm bảo tính pháp lý về hiện trạng và nguồn gốc sử dụng đất, quá trình triển khai dự án, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương...) với yêu cầu phù hợp với các Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế và các quy định hiện hành.

Đối với các dự án đầu tư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, đã triển khai xây dựng, đã có quyết định giao đất hoặc cho thuê đất: tiếp tục thực hiện theo nội dung đã được phê duyệt và xem xét bổ sung các yếu tố (nếu có) để đảm bảo phù hợp với định hướng quy hoạch chung và quy hoạch phân khu.

Đối với các khu vực làng xóm, điểm dân cư hiện có, các thôn xóm nhỏ lẻ, rải rác (tương đương với từng nhóm ở độc lập), có thể kết hợp nhiều cụm dân cư để tính toán dành đủ quỹ đất xây dựng công trình hạ tầng xã hội.

Đối với đất an ninh, quốc phòng sẽ được thực hiện theo dự án riêng do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đối với đất công trình di tích, tôn giáo, danh lam thắng cảnh đã hoặc chưa được xếp hạng, quy mô diện tích và hành lang bảo vệ sẽ được xác định chính xác ở tỉ lệ 1/500 trên cơ sở quyết định hoặc ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước liên quan. Việc lập dự án, cải tạo, xây dựng phải tuân thủ theo luật định và được cấp thẩm quyền phê duyệt.

### 5.2. Quy hoạch sử dụng đất các phân khu vực:

- Phân khu vực A: nằm trong ranh giới các phường An Lưu và phường Hiệp An;

Tính chất, chức năng: Khu đô thị cải tạo chỉnh trang và phát triển thương mại dịch vụ. Là đô thị hiện hữu của thị xã Kinh Môn. Khu ở hiện trạng cải tạo chỉnh trang, khu ở mới và khu thương mại dịch vụ đô thị

Quy mô: khoảng 698,09 ha; Dân số dự kiến khoảng: 31.185 người.

- Phân khu vực B: nằm trong ranh giới phường Long Xuyên.

Tính chất, chức năng: Khu đô thị công nghiệp. Là khu ở hiện trạng và khu đô thị mới kết hợp dịch vụ công nghiệp.

Quy mô: 448,58 ha. Dân số khoảng: 8.700 người.

- Phân khu vực C: nằm trong ranh giới phường Hiến Thành và phường Thái Thịnh.

Tính chất, chức năng: Khu đô thị kết hợp nông nghiệp sạch, bảo tồn làng nghề truyền thống và cảnh quan sinh thái ven sông. Là Phân khu gắn với phát triển nông nghiệp chất lượng cao, làng nghề truyền thống. Hình thành vùng cảnh quan sinh thái ven sông Kinh Thầy.

Quy mô: 1.035,13 ha. Dân số khoảng: 29.570 người.

### 5.3. Tổng quy hoạch sử dụng đất toàn phân khu:

STT	Chức năng đất	Quy hoạch (ha)		Chỉ tiêu	Tỷ lệ
		GD2030	GD2040		
	<i>Dân số</i>	59953	69455		
1	<b>Đất đô thị</b>	<b>156.41</b>	<b>156.41</b>		<b>7.17</b>
	Đất công cộng đô thị	16.84	16.84	2.42	0.77
	Đất cây xanh đô thị	105.33	105.33	15.17	4.83
	Đất trung tâm y tế thị xã	3.10	3.10		0.14
	Đào tạo nghiên cứu	1.05	1.05		0.05
	Đất trường THPT	2.11	2.11		0.10
	Đất trung tâm văn hóa thị xã	0.90	0.90		0.04
	Đất trung tâm thể dục thể thao	15.41	15.41		0.71

	Đất an ninh	2.54	2.54		0.12
	Cơ quan, trụ sở	9.13	9.13		0.42
<b>2</b>	<b>Đất đơn vị ở</b>	<b>631.74</b>	<b>663.37</b>	<b>122.34</b>	<b>30.40</b>
	Đất công cộng đơn vị ở	5.18	5.18	2.86	0.24
	Đất nhóm nhà ở	547.91	579.54		26.56
	<i>Đất nhóm nhà ở mới</i>	<i>107.27</i>	<i>138.90</i>	<i>46.70</i>	6.37
	<i>Đất nhóm nhà ở hiện trạng</i>	<i>440.64</i>	<i>440.64</i>	<i>110.95</i>	20.20
	Đất cây xanh	45.81	45.81	6.60	2.10
	Đất y tế	1.34	1.34		0.06
	Đất giáo dục	14.68	14.68	10.62	0.67
	Đất bãi đỗ xe	16.82	16.82	2.42	0.77
<b>3</b>	<b>Đất Thương mại dịch vụ</b>	<b>18.30</b>	<b>22.96</b>		<b>1.05</b>
<b>4</b>	<b>Đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ</b>	<b>75.86</b>	<b>75.86</b>		<b>3.48</b>
<b>5</b>	<b>Đất cây xanh chuyên dụng</b>	<b>66.24</b>	<b>66.24</b>		<b>3.04</b>
<b>6</b>	<b>Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi</b>	<b>68.98</b>	<b>68.98</b>		<b>3.16</b>
<b>7</b>	<b>Đất khai thác, chế biến KS, sản xuất VLXD</b>	<b>98.63</b>	<b>98.63</b>		<b>4.52</b>
<b>8</b>	<b>Đất di tích, tôn giáo</b>	<b>7.96</b>	<b>7.96</b>		<b>0.36</b>
<b>9</b>	<b>Đất quốc phòng</b>	<b>1.21</b>	<b>1.21</b>		<b>0.06</b>
<b>10</b>	<b>Nghĩa trang</b>	<b>15.57</b>	<b>15.57</b>		<b>0.71</b>
<b>11</b>	<b>Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác</b>	<b>3.10</b>	<b>3.10</b>		<b>0.14</b>
<b>12</b>	<b>Đất sản xuất nông nghiệp</b>	<b>519.47</b>	<b>519.47</b>		<b>23.81</b>
<b>13</b>	<b>Đất lâm nghiệp</b>	<b>25.71</b>	<b>25.71</b>		<b>1.18</b>
	Đất rừng sản xuất	7.82	7.82		0.36
	Đất rừng phòng hộ	17.89	17.89		0.82
<b>14</b>	<b>Đất nuôi trồng thủy sản</b>	-	<b>9.33</b>		<b>0.43</b>
<b>17</b>	<b>Sông, suối, kênh, rạch</b>	<b>200.98</b>	<b>200.98</b>		<b>9.21</b>
<b>18</b>	<b>Đất giao thông đô thị</b>	<b>57.80</b>	<b>57.80</b>	8.32	2.65
<b>19</b>	<b>Đất giao thông đơn vị ở</b>	<b>186.31</b>	<b>186.31</b>	26.83	8.54
	<b>Tổng</b>	<b>2,181.80</b>	<b>2,181.80</b>		<b>100.00</b>

## 6. Định hướng tổ chức không gian đô thị

### 6.1. Nguyên tắc:

Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan các khu vực chức năng rõ ràng, mạch lạc, gắn kết với những giá trị cảnh quan tự nhiên phong phú của khu vực thiết kế. Gắn kết giữa khu vực xây dựng hiện có với các khu vực phát triển mới

Quan điểm tổ chức không gian khu thương mại dịch vụ hỗn hợp phải khai thác tối đa giá trị cảnh quan, gắn kết hài hòa với các không gian xanh của khu vực nhằm tạo dựng hình ảnh một Phân khu hiện đại, bản sắc và hấp dẫn.

Tổ hợp và hợp khối các công trình chức năng tương đồng thành từng cụm để tạo không gian cảnh quan kiến trúc có nhịp điệu phong phú, hài hòa trong tổng thể Phân khu, đồng thời tạo ra tính tương hỗ trong các hoạt động dịch vụ.

### 6.2. Quy hoạch không gian đô thị:

\* Tổ chức không gian tổng thể:

- Phát triển Phân khu hiện hữu trở thành trung tâm dịch vụ cửa ngõ, đầu mối hỗ trợ của thị xã. Kết hợp giữa cải tạo chỉnh trang hiện trạng và phát triển mới để tạo ra động lực phát triển bền vững cho khu cửa ngõ, phù hợp với chiến lược phát triển chung của thị xã Kinh Môn.

- Xây dựng khu dân hiện hữu thành khu dân cư đô thị chất lượng cao gắn kết mềm mại với hệ sinh thái sông Kinh Môn, tạo nên trung tâm dịch vụ công cộng, dịch vụ và văn hóa. Phát triển khu Thành Công thành Phân khu sinh thái cao cấp gắn với cảnh quan sinh thái tại khu vực. Phát triển hệ thống hạ tầng dịch vụ công cộng cao cấp để phục vụ chung cho du lịch lân cận và dân cư tại khu vực cửa ngõ.

- Bố trí 03 khu vực chức năng, gắn với 05 đơn vị ở có hệ thống hạ tầng xã hội đồng bộ. Các khu vực dân cư hiện trạng được tổ chức, sắp xếp lại để đồng bộ về không gian và cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Các khu ở mới được tổ chức theo hình thái không gian phù hợp đặc điểm địa hình cảnh quan của khu vực. Hình thành các không gian trọng tâm và các cụm công trình điểm nhấn trong trung tâm các khu chức năng và các khu vực ven sông, ven các trục đường chính để tổ chức không gian hấp dẫn, sinh động cho khu vực quy hoạch. Hình thành các trục phố không CO2 tại các khu vực chức năng để tạo không gian hoạt động hấp dẫn cho người dân.

- Bảo vệ tối đa hệ sinh thái cảnh quan tự nhiên, nguyên sơ của khu vực, đặc biệt là bảo vệ hệ thống các bãi sông Kinh Môn, bảo vệ các khu vực sản xuất nông nghiệp đặc sản Kinh Môn đang sản xuất hiệu quả. Thực hiện các giải pháp phát triển kết hợp với bảo vệ môi trường để giữ gìn các giá trị cảnh quan sinh thái hiện trạng.

- Ưu tiên xây dựng các công trình cao tầng tại khu vực đất hỗn hợp cửa ngõ làm điểm nhấn chung cho toàn đô thị. Kiểm soát công trình xây dựng theo hướng thấp tầng, mật độ thấp chung cho khu vực Hiến Thành, Hiệp An. Phát triển mật độ xây dựng tập trung tại khu vực trọng tâm hai phường An Lưu và Hiệp An và dùng mật độ thấp tại các khu vực đô thị sinh thái, ven sông và các khu vực có cảnh quan sinh thái hấp dẫn, tạo sự đan xen giữa không gian đô thị và không gian tự nhiên. Phong cách thiết kế kiến trúc địa phương và hòa nhập vào môi trường tự nhiên xung quanh. Thiết kế công trình phải hài hòa với bối cảnh quy hoạch tự nhiên, đặc điểm đồng bằng Bắc Bộ.

\* Tổ chức không gian các tuyến trục: Kiểm soát không gian các tuyến trục phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu phát triển cho từng đoạn tuyến, tạo hình ảnh chung về không gian đô thị đặc trưng.

- Tuyến trục chính Bắc Nam: trục liên kết đối ngoại là tuyến QL17B với lộ giới 45m, phát triển các tổ hợp kiến trúc công trình hỗn hợp thương mại mang các nét đặc trưng riêng tại từng đoạn tuyến để tạo điểm nhấn không gian. Dọc tuyến chủ yếu là trung tâm dịch vụ công cộng, nhà phố thương mại, các điểm dân cư hiện trạng cải tạo chỉnh trang và các không gian mở tiếp cận với thiên nhiên. Dọc tuyến ưu tiên trồng cây xanh cảnh quan tạo sự hấp dẫn, bố trí các điểm dịch vụ du lịch trên tuyến để liên kết hỗ trợ nhu cầu của khách vắng lại đi qua khu vực.

- Đường trục chính Đông Tây và Bắc Nam: là tuyến đường hiện trạng Bắc Nam được cải tạo với lộ giới 28m. Tuyến đường quy hoạch mới Đông Tây lộ giới 45,0m. Công trình kiến trúc ven trục chủ yếu là các công trình dân cư kết hợp kinh doanh

thương mại, dịch vụ, y tế, giáo dục của phường. Tiếp tục cải tạo chỉnh trang và xây dựng xen cây bổ sung các dịch vụ công cộng hoàn chỉnh để phục vụ cho dân cư trước mắt đến năm 2030 và tiến tới hoàn thiện đầy đủ vào năm 2040.

- Tổ chức không gian các khu vực điểm nhấn: Bố trí các không gian trọng tâm, điểm nhấn tạo không gian kiến trúc đặc trưng cho từng khu vực chức năng:

- Phát triển các điểm nhấn gắn với các cửa ngõ tại cầu kết nối hai bên sông Kinh Môn. Các khu vực điểm nhấn cửa ngõ được thiết kế kiến trúc cảnh quan ấn tượng hấp dẫn, mang đặc trưng của Phân khu dịch vụ, tạo ấn tượng mạnh đối với khách vãng lai.

## **7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối.**

### **7.1. Chuẩn bị kỹ thuật:**

#### **a. Quy hoạch cao độ nền**

- Tuân thủ các định hướng chính về cao độ nền và thoát nước mưa đồ án quy hoạch điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã Kinh Môn đến năm 2040 đã được phê duyệt: ( $H_{xd} \geq 2,40m$ ).

- Khu vực cải tạo, xây dựng xen cây: Đối với các khu vực đã xây dựng có mật độ xây dựng tương đối cao, cao độ nền xây dựng tương đối ổn định công tác quy hoạch chiều cao phải phù hợp với điều kiện hiện trạng, tránh gây ngập úng cục bộ, đảm bảo thoát nước mặt thuận lợi.

#### **b. Quy hoạch thoát nước mưa**

- Kết hợp 5 giải pháp: Tích trữ nước mưa tại chân công trình xây dựng, hệ thống cống thoát nước mưa, hồ điều hòa, kênh mương tiêu, trạm bơm tiêu. Phân tán thành các lưu vực nhỏ thoát nước vào hệ thống sông, mương hiện trạng (sông Đầm Ngừ, sông Cầu Ba...) sau đó qua 2 trạm bơm An Lưu và Cống Vịt sau đó thoát ra sông Kinh Môn và sông Kinh Thầy.

Hệ thống thoát nước mưa: xây dựng hệ thống thoát nước riêng (nước thải và nước mưa được thu gom theo hệ thống đường ống riêng).

Kết cấu cống: Chọn kết cấu cống tròn bê tông cốt thép đúc sẵn.

#### **c. Giải pháp kỹ thuật khác:**

- Duy tu bảo dưỡng, hoàn thiện mái kè đê sông Kinh Môn, Kinh Thầy.

- Xây dựng, tu bổ cống dưới đê. Nghiêm cấm xây dựng trong hành lang thoát lũ.

- Kè bờ hồ và các trục tiêu hở... đảm bảo dòng chảy không bị lấn chiếm, kết hợp cảnh quan 2 bên bờ.

### **7.2. Giao thông:**

#### **a. Giao thông đô thị**

\* Trục dọc D1 (QL.17B) là trục chính hiện tại với các khu dân cư hiện hữu, là tuyến đường huyết mạch hiện tại kết nối quốc lộ 5 với quốc lộ 18. Quy hoạch là đường cấp II-mn với lộ giới 45,0m. Trong đó, lòng đường chính rộng 15,0m, đường gom 2 bên với bề rộng 7,5m, dải phân cách 2x2,5m; vỉa hè 2x5,0m.

\* Đường tỉnh ĐT.389: với lộ giới 28,0m, trong đó: lòng đường 7,50mx2; PC:

3,0m; hè 5,0mx2.

\* Trục ngang N2 (ĐT.389B) vừa tuyến đường cảnh quan của đô thị, thiết kế đường 2 bên sông Phùng Khắc đồng thời kết nối với thành phố Chí Linh; lộ giới tuyến đường mỗi bên sông rộng 23,0m. Đoạn đầu tuyến, cập nhật theo dự án với quy mô mặt cắt: vỉa hè bên khu dân cư: 7,0m; lòng đường (10,5+5,75)m; dải phân cách giữa: 3,5m; vỉa hè bên kênh: 3m.

\* Trục ngang N3 kết nối tuyến đường Vành đai với Thủy Nguyên-Hải Phòng, lộ giới 45,0m. (theo dự thảo QHT Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn năm 2050, đây là tuyến đường tỉnh mới ĐT.397B). Đồng thời, để tận dụng cầu Dinh đã xây dựng, thiết kế tuyến đường nhánh của trục ngang N3 đi cầu Dinh để phát triển và kết nối trong giai đoạn đầu. Đây là tuyến đường quan trọng góp phần thúc đẩy kinh tế của Phân khu 1 ở phía Bắc, kết nối với Thủy Nguyên-Hải Phòng.

b. Giao thông khu vực:

\* Đường chính khu vực:

- Đường Trần Hưng Đạo (ĐT.389) đi trong trung tâm khu vực Phân khu 1 được thiết kế với lộ giới 28,0m (Lòng đường 7,50mx2; PC: 3,0m; hè 5,0mx2). Đối với đoạn tuyến ở khu phố cổ do khó khăn trong việc giải phóng mặt bằng nên chỉnh trang cải tạo với lộ giới 16,5m (lòng đường 10,5mx2; hè 3,0mx2).

- Đường Nguyễn Đại Năng: cải tạo, mở rộng tuyến đường thành tuyến đường chính đô thị với lộ giới 28,0m, trong đó: Lòng đường 7,50mx2; PC: 3,0m; hè 5,0mx2.

- Đường Quang Trung: chỉnh trang, cải tạo tuyến với lộ giới 20,5m. Đối với đoạn tuyến ở khu phố cổ do khó khăn trong việc giải phóng mặt bằng nên chỉnh trang cải tạo với lòng đường tối thiểu từ 7,5÷8,5m; vỉa hè tùy thuộc vào hoàn cảnh thực tế, thiết kế cho phù hợp.

- Đường lộ giới 28,0m, thiết kế như tuyến đường vành đai kết nối giữa khu dân cư hiện trạng với khu phát triển mới từ phường Long Xuyên đi phường Thái Thịnh, trong đó: Lòng đường 7,50mx2; PC: 3,0m; hè 5,0mx2.

\* Đường khu vực: Các tuyến kết nối các khu chức năng trong khu vực.

+ Đường Thanh Niên: với lòng đường 10,5mx2; hè 5,0mx2.

+ Đường lộ giới 50,0m là tuyến trục tạo cảnh quan kết nối khu vực phát triển mới với khu dân cư hiện trạng cải tạo, tuyến được định hướng kết hợp với đường đi bộ, tạo trục cảnh quan của đô thị.

+ Đường lộ giới 21,5m (kết hợp với tuyến đường xe đạp): thiết kế tạo điểm nhấn cho đô thị hiện hữu với tuyến đường 2 bên kênh, kết hợp thiết kế đường dành riêng cho xe đạp, trong đó: lòng đường rộng 10,5mx2; đường dành riêng cho xe đạp: 3,0m; vỉa hè bên khu dân cư 5,0m và vỉa hè bên kênh 3,0m. Tuyến kết nối với đường Thanh Niên tạo thành tuyến đường cảnh quan xanh đô thị.

+ Lộ giới 20,50m với lòng đường 10,50mx2; hè 5,0mx2.

+ Lộ giới 16,50m với lòng đường 10,50mx2; hè 3,0mx2.

+ Lộ giới 17,0m, có lòng đường 7,00mx2; hè 5,0mx2.



+ Đường đê: với lòng đường rộng 7,5m và hành lang bảo vệ đê mỗi bên 6,25m. Một số đoạn tuyến cập nhật theo dự án (từ Km42+623 đến Km43+300) có lòng đường rộng 9,0m, hành lang bảo vệ đê mỗi bên 5,5m.

Đường phân khu vực:

Các tuyến kết nối các khu chức năng, nhóm nhà ở trong khu vực nghiên cứu.

+ Lộ giới 20,50m với lòng đường 10,50mx2; hè 5,0mx2.

+ Lộ giới 16,50m với lòng đường 10,50mx2; hè 3,0mx2.

+ Lộ giới 17,0m, có lòng đường 7,00mx2; hè 5,0mx2.

+ Lộ giới 17,50m, có lòng đường 7,50mx2; hè 5,0mx2.

+ Lộ giới 13,0m, có lòng đường 7,0mx2; hè 3,0mx2.

c. Bãi đỗ xe: được bố trí dựa trên nguyên tắc đảm bảo bán kính sử dụng từ (300÷600m) và bố trí tại những khu vực có mật độ tập trung người cao như các khu thương mại dịch vụ, khu vui chơi giải trí, bệnh viện, công viên... Bãi đỗ xe sử dụng phổ biến hình thức tấm lát bằng bê tông hoặc gạch lock có bố trí lỗ trồng cỏ vừa đảm bảo chức năng bãi đỗ xe cho phương tiện vừa đảm bảo yếu tố xanh cảnh quan, thoát nước tốt. Bố trí diện tích các bãi đỗ xe đảm bảo theo tiêu chuẩn QCVN 01-2021/BXD. Với tổng diện tích các bãi đỗ xe là 16,82ha.

### 7.3. Cấp nước:

- Nhu cầu cấp nước: Tổng nhu cầu sử dụng nước sạch và nước tưới cây, rửa đường, cứu hỏa của khu vực quy hoạch trong giờ dùng nước lớn nhất là: 38.881 (m<sup>3</sup>/ngđ).

- Nguồn cấp nước: Tuân thủ theo quy hoạch chung khu vực quy hoạch sử dụng nguồn cấp nước từ 4 trạm cấp nước, trong đó 3 trạm cấp nước hiện có và 1 trạm cấp nước xây mới.

- Trạm cấp nước Kinh Môn, công suất hiện trạng 4000m<sup>3</sup>/ngđ, giai đoạn đến năm 2030 chuyển thành trạm bơm cấp 2 lấy nước từ trạm cấp nước An Phú.

- Trạm cấp nước Thái Thịnh, công suất nâng cấp đến 2030: 8.000m<sup>3</sup>/ngđ, công suất nâng cấp đến 2040: 12.500m<sup>3</sup>/ngđ

- Trạm cấp nước Minh Hòa, công suất nâng cấp đến 2030: 5.500m<sup>3</sup>/ngđ, công suất nâng cấp đến 2040: 8.500m<sup>3</sup>/ngđ

- Trạm cấp nước xây mới là Trạm cấp nước An Phú, công suất dự kiến đến 2030: 15.500m<sup>3</sup>/ngđ, công suất dự kiến đến 2040: 22.000m<sup>3</sup>/ngđ.

- Mạng lưới cấp nước: Giải pháp mạng lưới được chọn là mạng vòng đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ và liên tục.

Ống cấp nước truyền dẫn, phân phối có đường kính thiết kế  $\geq \text{Ø}100$  sử dụng chất liệu ống gang dẻo, ống phân phối, dịch vụ có đường kính thiết kế  $< \text{Ø}100$  sử dụng chất liệu ống nhựa HDPE.

- Cấp nước cứu hỏa: Hệ thống cấp nước cứu hỏa được thiết kế chung với hệ thống cấp nước sinh hoạt.

Các trụ cứu hỏa ngoài nhà loại nổi, được đặt trên đường kính ống  $> \text{Ø}100$  mm

đảm bảo khoảng cách giữa các trụ không quá 150m, bố trí tại các vị trí thuận tiện như ngã ba ngã tư gần các công trình đảm bảo khả năng chữa cháy tối ưu. Khoảng cách tối thiểu giữa họng với tường các ngôi nhà là 5m. Họng cứu hỏa bố trí trên vỉa hè đảm bảo khoảng cách tối đa giữa họng với mép đường là 2,5m.

#### **7.4. Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị**

a. Tổng nhu cầu phụ tải khoảng 141,27 MVA.

Nguồn cấp điện khu vực dự án: Tiếp tục sử dụng nguồn điện là từ hệ thống lưới điện quốc gia thông qua trạm biến áp 110/35/22kV Nhị Chiều (E8.10-công suất 3X63MVA) phía Nam khu vực nghiên cứu.

b. Lưới điện:

+ Lưới điện cao thế: Đảm bảo hành lang an toàn lưới điện, dài hạn khuyến khích hạ ngầm các tuyến điện đi trong khu vực đông dân cư, khu vực có mật độ xây dựng cao, khu vực xây dựng đô thị mới.

+ Lưới điện trung thế: Đồng bộ lưới điện trung thế thành hệ thống 22kV theo định hướng của ngành điện. Hạ ngầm các tuyến đi trong khu vực phát triển đô thị mới, các khu trung tâm, đông dân cư. Các khu vực khác như các khu công nghiệp, khu vực cây xanh, khu vực rừng, núi... có thể đi nổi trên cột bê tông ly tâm dọc theo đường giao thông quy hoạch. Kết cấu lưới trung áp 22kV là dạng mạch vòng, vận hành hở.

+ Lưới điện hạ thế: thiết kế đi ngầm trong hào kỹ thuật trên vỉa hè đường giao thông quy hoạch. Bán kính phục vụ của mạng lưới điện hạ thế đảm bảo nhỏ hơn hoặc bằng 300m. Kết cấu lưới hạ thế theo mạng hình tia.

- Trạm biến áp: Cấp điện áp của trạm biến áp phân phối hạ thế xây dựng mới là 22/0,4kV. Vị trí các trạm biến áp được lựa chọn khu vực cây xanh, quảng trường để không ảnh hưởng đến dân cư hiện có trong khu vực và gần đường giao thông để tiện thi công. Sử dụng trạm kiểu kín như trạm xây, trạm kiot

c. Hệ thống chiếu sáng công cộng: Mạng lưới chiếu sáng trong khu vực sẽ được đi ngầm. Đèn chiếu sáng dùng các loại đèn có mẫu mã, hình dáng đẹp, hài hòa với cảnh quan chung. Khuyến khích sử dụng đèn chiếu sáng năng lượng mặt trời.

#### **7.5. Quy hoạch thoát nước thải, thu gom và xử lý chất thải rắn, nghĩa trang:**

##### **7.5.1. Quy hoạch thoát nước thải**

a. Tổng lưu lượng nước thải cần xử lý của phân khu: 14.803 m<sup>3</sup>/ngđ.

b. Giải pháp thu gom, xử lý nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải dự kiến trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

- Nước thải phân khu 1 sẽ được xử lý tại 2 trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch chung thị xã Kinh Môn. Cụ thể:

+ Trạm xử lý nước thải số 7: Thu gom xử lý nước thải toàn bộ khu vực phường An Lưu, phường Hiệp An. Công suất thiết kế: 8000 m<sup>3</sup>/ngđ.

+ Trạm xử lý nước thải số 11: Thu gom xử lý nước thải toàn bộ khu vực phường Hiến Thành, Thái Thịnh, Long Xuyên. Công suất thiết kế: 7.600 m<sup>3</sup>/ngđ.

+ Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải phân tán cho khu dân cư hiện hữu tại khu vực An Thủy, công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày.

+ Nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn nguồn loại A theo QCVN 14-MT:2008/BTNMT)

- Toàn bộ nước thải khu vực dân cư sẽ được dẫn về trạm xử lý thông qua bốn trạm bơm nước thải cục bộ số 1, số 2, số 3, số 4.

- Hệ thống cống thu gom nước thải là cống BTCT có kích thước D300.

7.5.2. Quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn:

a. Tổng khối lượng CTR cần thu gom và xử lý của phân khu: 107,74 Tấn/ngày.

b. Giải pháp thu gom, xử lý chất thải rắn:

- Chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn thải bằng các thùng rác kép (gồm 1 thùng đựng CTR hữu cơ màu xanh và 1 thùng đựng CTR vô cơ màu vàng) để dễ dàng phân loại và tái chế khi thu gom..

- Chất thải rắn được thu gom hằng ngày bằng xe chuyên dụng để vận chuyển đến 01 điểm tập trung CTR (Hình thức: Trạm trung chuyển chất thải rắn) tại phía Nam phường Hiến Thành trước khi về khu vực xử lý chung của khu vực.

- Toàn bộ chất thải rắn phân khu 1 sẽ được vận chuyển về xử lý tại khu xử lý tập trung của thị xã tại phường Phú Thứ.

7.5.3. Quy hoạch quản lý nghĩa trang:

- Khoanh vùng, cách ly và có kế hoạch chấm dứt hoạt động các nghĩa địa nhỏ lẻ gần các khu dân cư. Khi có nhu cầu sử dụng đất sẽ di dời về các nghĩa trang tập trung theo quy hoạch.

- Một số nghĩa trang liệt sỹ giữ lại và bố trí cây xanh cách ly đảm bảo môi trường với khu dân cư xung quanh.

- Dài hạn, người dân khu vực nghiên cứu sẽ sử dụng nghĩa trang chung của thị xã theo quy hoạch chung đã phê duyệt

- Khuyến khích hình thức hỏa táng theo chủ trương chung của tỉnh và Nhà nước.

## 7.6. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động:

a. Nhu cầu thông tin liên lạc khu vực nghiên cứu khoảng 73 538 Lines.

b. Nguồn tín hiệu:

- Nguồn cấp: Tín hiệu cấp cho khu vực từ trung tâm viễn thông thành phố đến thông qua đường truyền cáp quang. Cáp quang chính được kéo đến tủ cáp chính và được luồn trong ống 2xHDPE. Từ đó được phân phối đến tủ cáp tổng (Host trung tâm). Tất cả các tuyến ống trên đường trục chính trong khu vực dùng ống HDPE Φ150x0,5mm, HDPE Φ110x0,5mm được đi trên hè đường. Đặc biệt có những đoạn qua đường nên dùng ống thép Φ110 x 0,65mm

- Mạng cáp: Hạ ngầm tất cả các loại cáp xuống cống bê, trên đường nội bộ, có thể đi ngầm trực tiếp trong ống nhựa xuống mặt đường, để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan và đồng bộ với các cơ sở hạ tầng khác nhằm tiết kiệm chi phí khi thi công.

- Tủ cáp, hộp cáp: Các bể cáp sử dụng bể đổ bê tông loại từ 1- 3 nắp đan bê tông (nắp gang), 1-2 lớp ống.

- Mạng thông tin di động: Phát triển mạnh hạ tầng cột ăng ten không công kênh, cột ăng ten thu phát sóng ngụy trang đến khu vực: Cột ăng ten có kích thước và quy mô nhỏ gọn, thân thiện môi trường, ngụy trang ẩn vào các công trình kiến trúc và cảnh quan xung quanh, đảm bảo mỹ quan đô thị.

Trạm BTS sử dụng 2 công nghệ khác nhau (GSM và CDMA) đặt tại khu vực trung tâm khu vực quy hoạch (vị trí các trạm này trên các nhà cao tầng), nhằm nâng cao tính ổn định thông tin di động trong khu vực, trạm thu phát sóng có quy mô từ 30-80m<sup>2</sup>.

Bố trí trạm BTS tại nơi công cộng, khoảng cách đặt trạm đảm bảo từ 200-300m/ trạm và đảm bảo thân thiện với môi trường.

Bưu chính: Nâng cấp 2 điểm bưu cục cấp 3 và 1 bưu cục cấp 2 tại vị trí cung cấp dịch vụ bưu chính cho toàn bộ khu vực nghiên cứu.

## **8. Thiết kế đô thị**

### **8.1. Các công trình điểm nhấn:**

\* Trên cơ sở không gian quy hoạch tổng thể xác định các khu vực trọng tâm bao gồm:

- Khu trung tâm hành chính của thị xã với hệ thống các công trình trụ sở cơ quan.

- Khu trung tâm dịch vụ thương mại và trực thương mại Cầu Dinh. Đây cũng là một trong những khu vực tạo điểm nhấn và không gian mở cho khu vực đô thị. Công trình điểm nhấn tại khu vực sẽ là không gian thương mại; trung tâm dịch vụ và các công trình hỗn hợp cao tầng.

- Khu trung tâm dịch vụ cửa ngõ. Đây là các cụm công trình dịch vụ thương mại và công cộng. Công trình không những phải thiết kế hiện đại mà còn phải nghiên cứu phối kết tổ hợp hình khối, đường nét để tạo nên tổng thể không gian kiến trúc hiện đại, hòa hợp với cảnh quan tự nhiên và mang hình ảnh đặc trưng cho khu cửa ngõ của phân khu.

- Khu công viên chuyên đề là lá phổi xanh hay chính là công viên sinh thái cho toàn khu vực. Tại đây bố trí hệ thống các cây xanh đa dạng và phong phú về chủng loại, màu sắc. Trong công viên còn bố trí hồ nước, đường dạo, chòi nghỉ cho người dân toàn đô thị đến tham gia sinh hoạt cộng đồng, cắm trại, vui chơi.

\* Các công trình điểm nhấn được xác định trong tổng thể chung của toàn khu với vị trí phù hợp để đạt được hiệu quả cao trong tổ chức không gian.

- Các công trình điểm nhấn:

+ Trung tâm công cộng tại khu vực cửa ngõ phía Tây. Công trình có tầng cao từ 3-9 tầng.

+ Trung tâm thương mại dịch vụ trên tuyến đường Cầu Dinh: tối đa 9 tầng.

+ Công trình hỗn hợp phía Nam gắn với tuyến đường Bắc Nam: tầng cao 9 tầng.

### **8.2. Về tầng cao xây dựng và khoảng lùi công trình:**

- Về tầng cao xây dựng: Chiều cao xây dựng công trình từng lô đất được quy định theo bản vẽ quy hoạch sử dụng đất, thiết kế đô thị trên cơ sở khớp nối các quy

hoạch chi tiết, các dự án đã và đang thực hiện, tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và ý tưởng cảnh quan chung.

- Khoảng lùi: Khoảng lùi của công trình tuân thủ khoảng lùi tối thiểu được quy định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và đảm bảo tính thống nhất trên toàn tuyến phố và phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng được xác định cụ thể tại Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và các quy định hiện hành.

Đối với các dự án đã triển khai hoặc đã được phê duyệt Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) trước thời điểm đồ án Quy hoạch phân khu này được phê duyệt thì cập nhật chỉ giới xây dựng theo thực tế dự án đã triển khai hoặc thực hiện theo Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) đã phê duyệt.

### **8.3. Hệ thống cây xanh, tiện ích đô thị:**

Kiến trúc cảnh quan cây xanh công viên, vườn hoa quảng trường là một tổ hợp của nhiều thành phần nhỏ như: công trình, kiến trúc nhỏ, vườn hoa, đường dạo, cây xanh, thảm cỏ ..., kết hợp hài hoà thành một tổng thể chung tạo ra môi trường sinh thái phục vụ cho hoạt động văn hoá vui chơi giải trí của cộng đồng.

Tuy nhiên từng loại kiến trúc đều có những đặc điểm riêng nên cần có hướng tổ chức và khai thác cho phù hợp.

Quảng trường: Không gian quảng trường bố trí gắn liền với không gian tạo ra một không gian mở của Phân khu tạo điểm nhìn thoáng đãng về các phía

Kiến trúc tượng đài và biểu tượng:

- Trong công viên, vườn hoa và công trình kiến trúc lớn xây dựng các tượng đài văn hoá đồng thời kết hợp với quảng trường tạo ra các không gian mở của đô thị. Kiến trúc tượng đài phải thể hiện tính chất văn hoá bằng đường nét hình khối biểu tượng đặc trưng có sức truyền cảm.

- Trong các cụm biệt thự nghỉ dưỡng cần tổ chức kiến trúc nhỏ, tượng nghệ thuật. Tượng đài có thể là biểu trưng hoặc là tượng nghệ thuật...

Kiến trúc công trình nhỏ trong khu cây xanh:

- Sử dụng kiến trúc đa dạng về loại hình, đơn giản về đường nét hình khối, nên khai thác mái dốc trong công trình tạo nên những công trình kiến trúc hoà quyện với không gian xanh.

- Tầng cao chỉ nên từ 1 tầng với bố cục mặt bằng thoáng, sử dụng nhiều không gian trống có mái hiên, mái nghỉ rộng.

- Bố cục hài hoà ẩn hiện trong không gian cây xanh sẽ giảm cảm giác khô cứng nặng nề.

Cây xanh thảm cỏ: Trong Phân khu có các hình thức tổ chức cây xanh thảm cỏ:

- Tổ chức cây xanh hai bên trục đường: Sử dụng các loại cây có bóng mát hoa đẹp và thường xanh tránh cây có quả, lá rụng nhiều gây ô nhiễm môi trường đường phố. Mỗi đoạn trục phố trồng một số loại cây hoa đặc trưng cho phù hợp với tính chất chức năng hoạt động của từng cụm công trình và sự hài hoà giữa không gian kiến trúc và cây xanh.

- Tổ chức cây xanh trong khuôn viên công trình: Sử dụng các loại cây hoa lá đa dạng theo mùa, kết hợp thảm cỏ, vườn hoa để tạo nên sự hài hoà với nội thất công trình và tổng thể không gian trực phố.

- Tổ chức cây xanh trong công viên và vườn hoa: Trong công viên sử dụng đa dạng các loại cây cảnh, hoa, bóng mát theo mùa. Trong vườn hoa chủ yếu trồng cây bóng mát cổ thụ kết hợp cây hoa, cây bụi và thảm cỏ.

### 9. Đánh giá tác động môi trường chiến lược:

- Tuân thủ các giải pháp về kỹ thuật về bảo vệ môi trường đất, không khí tiếng ồn, nước, các giải pháp về quản lý và các giải pháp khắc phục môi trường liên quan đến các khu vực nhạy cảm về môi trường.

- Nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu; lồng ghép vấn đề thích ứng biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của khu vực chịu ảnh hưởng trong điều kiện biến đổi khí hậu. Hỗ trợ phát triển sinh kế bền vững cho cộng đồng dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; Đưa ra các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và tai biến môi trường.

Đưa ra kế hoạch quan trắc và giám sát chất lượng môi trường.

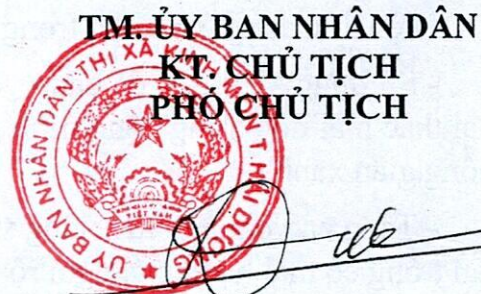
**10. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:** Ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Giao phòng Quản lý đô thị chủ trì phối hợp với các phòng chuyên môn, đơn vị liên quan căn cứ các quy định tại Điều 1 tham mưu công bố, công khai quy hoạch; lập, phê duyệt hồ sơ cắm mốc giới và tổ chức triển khai cắm mốc giới theo quy định và quản lý chặt chẽ việc đầu tư xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn thị xã đảm bảo theo đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND-UBND thị xã; Trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Văn hóa và Thông tin, Giáo dục và Đào tạo, Y tế; Kho bạc Nhà nước Kinh Môn; Chủ tịch UBND các phường: An Lưu, Hiệp An, Long Xuyên, Hiến Thành, Thái Thịnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: VT,



**Lê Văn Điền**